

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Mã đề thi 815

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Thu Bồn. B. Sông Ba. C. Sông Cà. D. Sông Mã.

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

- A. Hải Dương. B. Bắc Ninh. C. Hưng Yên. D. Hà Nội.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết than bùn có ở tỉnh nào sau đây?

- A. Tiền Giang. B. Sóc Trăng. C. Cần Thơ. D. Kiên Giang.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

- A. Lạc, mía. B. Thuốc lá, ngô. C. Lạc, đậu tương. D. Mía, ngô.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?

- A. Bắc Cạn. B. Quảng Ninh. C. Hà Giang. D. Lào Cai.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là

- A. Nghệ An. B. Quảng Nam. C. Gia Lai. D. Đắk Lắk.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc là

- A. Na Dương. B. Uông Bí. C. Phả Lại. D. Ninh Bình.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?

- A. Đồng Hới. B. Lạng Sơn. C. Hà Nội. D. Điện Biên Phủ.

Câu 50. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là

- A. luyện kim. B. điện lực. C. đóng tàu. D. khai khoáng.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết từ Thái Nguyên lên Bắc Cạn đi qua quốc lộ nào sau đây?

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 4B.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phúc Yên. B. Bắc Ninh. C. Cẩm Phả. D. Hải Phòng.

Câu 53. Biện pháp để bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là

- A. xây công trình đê biển. B. nuôi dưỡng rừng ngập mặn.
C. chống ô nhiễm đất mặn. D. mở rộng vườn quốc gia.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

- A. Bạc Liêu. B. Trà Vinh. C. Tiền Giang. D. Bến Tre.

Câu 63. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?

- A. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển. B. Tỉ trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất.
C. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế. D. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu.

Câu 64. Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa. B. thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.
C. tăng về số lượng và quy mô đô thị. D. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây.

Câu 65. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng

- A. đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm. B. khuyến khích đánh bắt xa bờ.
C. cấm khai thác thủy sản ven bờ. D. chưa gắn với bảo vệ môi trường.

Câu 66. Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay

- A. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh. B. sử dụng ít giống cho năng suất cao.
C. chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại. D. trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.

Câu 67. Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là

- A. ứng dụng phổ biến công nghệ gen. B. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng.
C. dịch vụ thú y ngày càng phát triển. D. nguồn cung cấp thức ăn phong phú.

Câu 68. Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp

- A. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng. B. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ.
C. ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn. D. có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.

Câu 69. Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có

- A. sông ngòi dày đặc. B. tổng bức xạ lớn.
C. khoáng sản phong phú. D. khí hậu đa dạng.

Câu 70. Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

- A. Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất.
B. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
C. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.
D. Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.

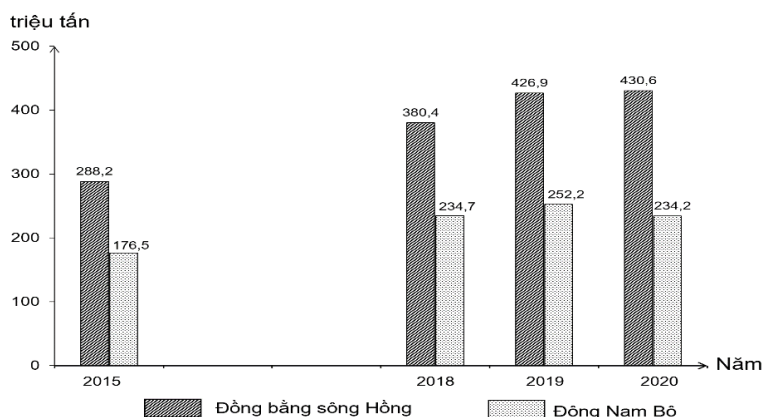
Câu 71. Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là

- A. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.
B. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.
C. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.
D. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.

Câu 72. Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. khắc phục hạn chế, thay đổi phân công lao động, giải quyết việc làm.
B. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.
C. đáp ứng xu thế hội nhập, nâng cao mức sống, tận dụng các nguồn lực.
D. tận dụng nguồn tài nguyên, đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.

Câu 73. Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2020



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng. B. Tốc độ tăng khối lượng.
C. Cơ cấu khối lượng. D. Quy mô khối lượng.

Câu 74. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh du lịch biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thu hút đầu tư, tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, cải thiện đời sống.
B. tận dụng thế mạnh, tạo nhiều việc làm mới, đáp ứng nhu cầu du khách.
C. thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác lợi thế tự nhiên, tạo động lực vùng.
D. phát huy nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng vị thế vùng.

Câu 75. Huế có lượng mưa lớn nhất cả nước chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí, độ cao địa hình, hướng núi, gió mùa hạ, dòng biển.
B. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
C. vĩ độ, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình.
D. biển Đông, gió mùa, áp thấp nhiệt đới, độ cao địa hình.

Câu 76. Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.
B. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.
C. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.
D. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.

Câu 77. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Số dân thành thị (triệu người)	30,9	31,9	33,8	35,9
Tỉ lệ dân thành thị (%)	33,5	33,8	35,0	36,8

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Cột. C. Đường. D. Kết hợp.

Câu 78. Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do

- A. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.
B. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.
C. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng.
D. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.

Câu 79. Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lí lao động, tăng giá trị nông sản.
B. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.
C. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.
D. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.

Câu 80. Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.
B. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.
C. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
D. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.